

BÁO CÁO

Kết quả giám sát tình hình thực hiện công tác quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách địa phương và tái giám sát kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước

Thực hiện kế hoạch công tác năm 2019, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố tổ chức giám sát việc thực hiện công tác quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn Thành phố và tái giám sát kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại báo cáo số 98/BC-HĐND ngày 9/9/2017. Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố đã tổ chức làm việc trực tiếp với các Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình thành phố Hà Nội: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hoá - Xã hội, Dân dụng và Công nghiệp và UBND quận Cầu Giấy, UBND huyện Thường Tín; giám sát qua báo cáo của Sở Tài chính, Kho bạc NN Hà Nội, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình Cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội và UBND các quận, huyện, thị xã còn lại (tính đến hết ngày 13/6/2019 chỉ có 19/30 quận, huyện, thị xã gửi báo cáo đến Ban). Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố báo cáo kết quả giám sát như sau:

A. Tình hình thực hiện công tác quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách địa phương.

I. Kết quả đạt được:

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của Thành phố trong tổ chức thực hiện công tác quyết toán các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách địa phương:

Trong thời gian qua, UBND Thành phố đã ban hành nhiều văn bản¹ để chỉ đạo đôn đốc các chủ đầu tư tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán. Sở Tài chính đã tích cực tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác chỉ đạo, điều hành quyết toán, quan tâm chỉ đạo xử lý nhiều dự án hoàn thành còn tồn chưa quyết toán, tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, nắm bắt các khó khăn, kiến nghị của Chủ đầu tư để tham mưu UBND các cấp tháo gỡ. Công tác thẩm tra, trình, phê duyệt quyết toán của Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch các quận huyện đi vào nề nếp, cơ bản đảm bảo tiến độ, chất lượng.

¹ Văn bản số 5496/UBND-KT ngày 01/11/2017 của UBND Thành phố về đẩy mạnh công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn Thành phố; văn bản số 6069/UBND- KT ngày 28/11/2017 về việc xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán các DA hoàn thành

1.2. Kết quả thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn Thành phố đến hết năm 2018 theo số liệu tổng hợp của Sở Tài chính như sau:

Số dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán đến hết năm 2018 là: 2.204 dự án (năm 2017 là 2.278 dự án) với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 19.441.038 triệu đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 19.270.562 triệu đồng, giảm trừ 170.476 triệu đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư. *(Phụ lục 1)*

Tổng số dự án chưa nộp báo cáo quyết toán là 394 dự án chiếm 14% tổng số dự án hoàn thành năm 2018 là 2.812 dự án (so với năm 2017 là 495 dự án chiếm tỉ lệ 16,1% tổng số dự án hoàn thành là 3.068 dự án) bao gồm 301 dự án trong hạn, 84 dự án chậm nộp dưới 24 tháng và 09 dự án chậm nộp trên 24 tháng. *(Phụ lục 2)* Cụ thể:

a. Đối với dự án cấp Thành phố:

- Dự án sử dụng ngân sách do cấp Thành phố quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Sở Tài chính) đã phê duyệt trong năm 2018 là 110 dự án, tăng 37,5% so với năm 2017 là 80 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 8.057.232 triệu đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 7.998.063 triệu đồng, giảm trừ 59.169 triệu đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư. *(Phụ lục 1.1)*

- Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố hoàn thành chưa nộp báo cáo quyết toán là 38 dự án bao gồm 35 dự án trong hạn lập báo cáo, 01 dự án chậm nộp báo cáo dưới 24 tháng và 02 dự án chậm nộp báo cáo trên 24 tháng (so với năm 2017 là 64 dự án chưa nộp báo cáo bao gồm 33 dự án trong hạn lập báo cáo, 15 dự án chậm nộp báo cáo dưới 24 tháng và 16 dự án chậm nộp báo cáo trên 24 tháng) *(Phụ lục 2.1)*

b. Đối với dự án cấp huyện:

- Dự án sử dụng ngân sách do cấp huyện quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận huyện thị xã) đã phê duyệt trong năm là 2.094 dự án (năm 2017 là 2.198 dự án) với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 11.383.806 triệu đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 11.272.499 triệu đồng, giảm trừ 111.307 triệu đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư. *(Phụ lục 1.2)*

- Các dự án sử dụng ngân sách cấp huyện chưa nộp báo cáo quyết toán là 356 dự án bao gồm 266 dự án trong hạn lập báo cáo, 83 dự án chậm nộp báo cáo dưới 24 tháng và 07 dự án chậm nộp báo cáo trên 24 tháng (so với năm 2017 là 431 dự án chưa nộp báo cáo bao gồm 276 dự án trong hạn lập báo cáo, 112 dự án chậm nộp báo cáo dưới 24 tháng và 43 dự án chậm nộp báo cáo trên 24 tháng) *(Phụ lục 2.2)*

1.3. Kết quả thực hiện công tác quyết toán từ 01/01/2019 đến 15/6/2019 theo số liệu tổng hợp của Sở Tài chính như sau:

Số dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán là: 810 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 10.148.175 triệu đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 10.093.349 triệu đồng, giảm trừ 54.825 triệu đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư. **(Phụ lục 3)**

Tổng số dự án chưa nộp báo cáo quyết toán là 389 dự án bao gồm 312 dự án trong hạn lập báo cáo, 74 dự án chậm nộp báo cáo dưới 24 tháng và 03 dự án chậm nộp báo cáo trên 24 tháng. **(Phụ lục 4)**

Cụ thể:

a. Đối với dự án cấp Thành phố:

Dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố (Trách nhiệm thẩm tra của Sở Tài chính Hà Nội) đã phê duyệt là 33 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 5.593.998 triệu đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 5.577.522 triệu đồng, giảm trừ 16.475 triệu đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư **(Phụ lục 3.1)**

- Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố hoàn thành chưa nộp báo cáo quyết toán là 39 dự án bao gồm 37 dự án trong hạn lập báo cáo và 02 dự án chậm nộp báo cáo trên 24 tháng. **(Phụ lục 4.1)**

b. Đối với dự án cấp Huyện:

Dự án sử dụng ngân sách cấp huyện (Trách nhiệm thẩm tra của Phòng Tài chính-Kế hoạch quận, huyện, thị xã) đã phê duyệt là 777 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 4.554.177 triệu đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 4.515.827 triệu đồng, giảm trừ 38.350 triệu đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư. **(Phụ lục 3.2)**

- Các dự án sử dụng ngân sách cấp Huyện hoàn thành chưa nộp báo cáo quyết toán là 350 dự án bao gồm 275 dự án trong hạn lập báo cáo, 74 dự án chậm nộp báo cáo dưới 24 tháng và 01 dự án chậm nộp báo cáo trên 24 tháng. **(Phụ lục 4.2)**

Như vậy, qua giám sát cho thấy tình hình quyết toán trên địa bàn Thành phố đã đạt được một số kết quả nhất định thể hiện qua số liệu thống kê về tình hình quyết toán dự án hoàn thành, cụ thể:

- Số dự án hoàn thành chưa nộp hồ sơ quyết toán giảm từ 495 dự án chiếm tỉ lệ 16,1%/ tổng số dự án hoàn thành năm 2017 xuống 394 dự án chiếm tỉ lệ 14% tổng số dự án hoàn thành năm 2018 (Trong đó số dự án do Thành phố quản lý là 38 dự án)

- Số dự án chậm nộp báo cáo quyết toán giảm từ 186 dự án năm 2017 (bao gồm 127 dự án chậm nộp dưới 24 tháng và 59 dự án chậm nộp trên 24 tháng) xuống 93 dự án năm 2018 (bao gồm 84 dự án chậm nộp dưới 24 tháng và 09 dự án chậm nộp trên 24 tháng). Riêng đối với cấp Thành phố, số dự án chậm

nộp báo cáo quyết toán giảm từ 31 dự án năm 2017 xuống chỉ còn 02 dự án tại thời điểm hết tháng 4/2019.

II. Tồn tại hạn chế, nguyên nhân:

1. Tồn tại hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quyết toán vốn đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội vẫn còn một số tồn tại hạn chế sau:

- Tiến độ lập, trình duyệt hồ sơ quyết toán một số dự án còn chậm, không đảm bảo thời gian quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính. Tính đến 15/6/2019 còn 77 DA đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, quá thời hạn quyết toán nhưng chưa nộp báo cáo quyết toán, (chiếm 19,8% số dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa được phê duyệt quyết toán), trong đó có 03 dự án chậm nộp trên 24 tháng.

- Công tác phối hợp theo dõi, tổng hợp tình hình quyết toán các dự án đầu tư XDCB của các sở, ngành thành phố và các quận, huyện còn chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Tổng hợp số liệu về các dự án hoàn thành nhưng chưa quyết toán còn chưa thống nhất giữa Sở Tài chính và các quận, huyện thị xã². Theo báo cáo của Kho bạc nhà nước, còn tới 262 dự án chưa hoàn thành đã quá thời hạn thực hiện (theo các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền), hơn 1 năm qua không có giao dịch tại Kho bạc nhà nước nhưng chưa triển khai công tác quyết toán hoặc chưa có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về hướng xử lý tiếp theo.

2. Nguyên nhân:

a. Nguyên nhân khách quan:

- Các quy định về quản lý đầu tư xây dựng còn nhiều bất cập và thường xuyên thay đổi, một nội dung chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định nên dẫn đến thủ tục quyết toán mất nhiều thời gian.

- Giá cả nguyên vật liệu, nhân công thường xuyên thay đổi, nên chủ đầu tư phải nhiều lần điều chỉnh giá công trình, dẫn đến việc phải kéo dài thời gian hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc quyết toán công trình.

- Việc thực hiện sắp xếp lại các Ban Quản lý dự án thời gian qua cũng phần nào ảnh hưởng do cán bộ trực tiếp quản lý dự án được sắp xếp lại hoặc chuyển công tác dẫn tới việc thiếu hồ sơ trong quá trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Nhiều dự án còn gặp khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, dẫn tới thời gian thực hiện kéo dài, nhiều chính sách thay đổi. Có nhiều công trình đã hoàn thiện, bàn giao cho đơn vị sử dụng, nhưng do phát sinh khiếu

² Quận Cầu Giấy, Long Biên, Nam Từ Liêm, huyện Thường Tín...

kiện trong quá trình thu hồi đất trước đó nên chủ đầu tư chưa thể quyết toán kinh phí giải phóng mặt bằng và kéo theo chưa thể quyết toán toàn bộ dự án.³

- Chế tài xử phạt đối với các đơn vị không chấp hành thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư thấp, chưa đủ sức răn đe.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Chất lượng hồ sơ quyết toán thấp. Việc hoàn thiện hồ sơ pháp lý trước khi thực hiện các phát sinh thay đổi không đảm bảo kịp thời mà chỉ bổ sung sau khi đã thực hiện dẫn tới việc dự án tuy hoàn thành nhưng không đủ hồ sơ pháp lý để ra quyết định phê duyệt quyết toán.⁴

- Các cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành chưa tích cực trong công tác đôn đốc, kiểm tra dẫn đến công tác kiểm tra hồ sơ nghiệm thu chất lượng công trình bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định của Luật Xây dựng còn nhiều hạn chế, vướng mắc, nhiều công trình, dự án chậm được nghiệm thu hạng mục PCCC, hạng mục điện làm chậm tiến độ (đây là điều kiện tiên quyết để đủ điều kiện phê duyệt quyết toán) dẫn tới việc nhiều dự án tuy đã hoàn thành và được Sở Tài chính tiếp nhận thẩm tra báo cáo quyết toán dự án nhưng không thể ban hành quyết định phê duyệt quyết toán.⁵

- Tình trạng thất lạc hồ sơ do công tác lưu trữ hồ sơ dự án còn chưa tốt trong quá trình bàn giao, giải thể, hợp nhất giữa các Ban quản lý dự án.⁶

- Nhiều đơn vị thi công không quan tâm đến công tác quyết toán do sau khi hoàn tất việc xây dựng công trình thì lượng vốn còn lại trong hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư thường rất ít. Nhiều đơn vị thi công không đủ nhân lực, thời gian để giải quyết hồ sơ quyết toán, dẫn đến chây ỳ, kéo dài việc quyết toán.⁷

- Việc đôn đốc thu hồi công nợ, tất toán tài khoản sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán còn chưa được thực hiện nghiêm theo quy định.⁸

- Việc thực hiện, xử lý các kiến nghị thanh tra, kiểm toán của một số dự án còn kéo dài dẫn tới việc chậm trễ trong việc phê duyệt quyết toán.⁹

- Việc thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư chưa được tập trung, nhiều chủ đầu tư còn thiếu trách nhiệm, chưa quan tâm đúng mức tới công tác lập, nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Một số chủ đầu tư chưa tích cực

³ Dự án Xây dựng HTKT khu dân dụng Bắc Phú Cát, dự án Cải tạo, nâng cấp sân vận động Hàng Đẫy.

⁴ Dự án Cải tạo, nâng cấp sân vận động Hàng Đẫy.

⁵ Dự án Xây dựng trường THPT Liên Hà, dự án Kè chống sạt lở và cứng hoá bờ kênh Vân Đình, dự án Xây dựng đường nối Pháp Vân tới khu đấu giá QSD đất Tứ Hiệp-Ngũ Hiệp.

⁶ Dự án Cấp nước Gia Lâm, dự án Cải tạo, mở rộng cấp nước Hà Nội giai đoạn 3.

⁷ Dự án Xây dựng cầu vượt nút giao Nguyễn Chí Thanh – Kim Mã, dự án Xây dựng khu nhà ở tái định cư Nam Trung Yên.

⁸ Dự án Xây dựng tuyến đường lên tượng đài Thánh Gióng.

⁹ Kiểm toán năm 2015 các kiến nghị của cơ quan kiểm toán về xử lý tài chính tới nay đã thực hiện đạt 90,7%; Năm 2016 đã thực hiện 95,8 %, năm 2017 đã thực hiện 71,4 %.

phối hợp với đơn vị liên quan xử lý dứt điểm các tồn tại trong công tác quyết toán, nhất là các chủ đầu tư cấp xã.

- Năng lực cán bộ quản lý ở một số đơn vị chủ đầu tư, ban quản lý dự án còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ xấp xỉ, phường còn yếu; Cán bộ là công tác thẩm tra quyết toán ở phòng tài chính kế hoạch cấp huyện còn yếu, thiếu và chủ yếu làm kiêm nhiệm nên nghiệp vụ không sâu, chất lượng thẩm định thấp.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với UBND Thành phố:

- Quan tâm chỉ đạo, thường xuyên rà soát việc thực hiện công tác quyết toán hoàn thành đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn Thành phố; kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ gây chậm trễ trong công tác quyết toán. Chỉ đạo xây dựng và vận hành có hiệu quả phẩm mềm quản lý liên ngành đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách để theo dõi, quản lý chặt chẽ từ khâu chuẩn bị đầu tư đến khâu quyết toán dự án hoàn thành, tất toán tài khoản dự án tại Kho bạc nhà nước.

- Chỉ đạo các Sở, ban, ngành, các Ban Quản lý dự án chuyên ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, các Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách thực hiện nghiêm túc các quy định về đầu tư xây dựng cơ bản cũng như các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy nhanh công tác quyết toán hoàn thành.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và các chủ đầu tư rà soát lại toàn bộ các dự án triển khai dở dang đã quá thời hạn thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và hiện không có kế hoạch vốn để đề xuất hướng xử lý phù hợp, sớm hoàn thành quyết toán công trình, tất toán tài khoản dự án đầu tư theo quy định.

- Đối với 2 dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên (Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường đầu cầu giai đoạn 1 được khánh thành đưa vào sử dụng từ tháng 9/2010 và dự án xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Kim Mã – Nguyễn Chí Thanh được khánh thành và đưa vào sử dụng từ tháng 10/2013) cần quan tâm lãnh đạo chỉ đạo các cơ quan chuyên môn khẩn trương rà soát, đề xuất phương án tháo gỡ, khó khăn, đẩy nhanh tiến độ quyết toán để quyết toán dứt điểm trong năm 2019.

2. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì tổng hợp, đề xuất giải quyết các vướng mắc trong triển khai các dự án và kế hoạch đầu tư công hàng năm; đối với các dự án dừng thực hiện kéo dài đề nghị rà soát, đánh giá, đề xuất với UBND Thành phố hướng xử lý (cho dừng thực hiện, cho tách phần chưa hoàn thành thành dự án riêng...) để thực hiện quyết toán dứt điểm phần dự án đã hoàn thành

3. Đối với Sở Tài chính:

- Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc công tác quyết toán vốn đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành theo phân cấp, kịp thời thông báo vốn thanh toán nợ cho các dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán.

- Thực hiện chế độ đôn đốc, tổng hợp báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm tình hình quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn thành phố đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định.

- Kiên quyết áp dụng các chế tài xử lý đã được hướng dẫn tại các văn bản pháp lý hiện hành đối với các chủ đầu tư vi phạm như: công khai danh sách chủ đầu tư vi phạm thời gian nộp quyết toán; thực hiện xử phạt vi phạm hành chính chủ đầu tư vi phạm thời gian nộp quyết toán; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua của cá nhân, tổ chức thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành.

4. Đối với các cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an Thành phố, Điện lực Hà Nội:

- Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tập trung quyết toán các dự án hoàn thành; tăng cường hướng dẫn, phối hợp với các Chủ đầu tư giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh ngay trong quá trình thực hiện dự án; rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính theo chức năng, nhiệm vụ, đặc biệt các thủ tục liên quan đến công tác kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng, nghiệm thu an toàn phòng cháy chữa cháy, hạng mục điện..., tạo điều kiện cho các Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố nếu chậm trễ giải quyết các hồ sơ hành chính liên quan, làm chậm công tác quyết toán dự án hoàn thành.

5. Đối với Kho bạc nhà nước và Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố:

- Rà soát các dự án tồn đọng, dự án hoàn thành chưa tất toán tài khoản; định kỳ hàng quý thông báo cho chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và Sở Tài chính để tổng hợp, đôn đốc công tác quyết toán, đóng mã số dự án theo đúng quy định pháp luật.

6. Đối với các Chủ đầu tư:

- Quan tâm hoàn thiện thủ tục phục vụ quyết toán đối với từng hạng mục công việc ngay trong quá trình triển khai Dự án.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước, Thành phố trong công tác quyết toán; kịp thời tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; hoàn chỉnh và gửi báo cáo quyết toán dự án hoàn thành tới cơ quan thẩm tra đảm bảo chất lượng, thời hạn theo đúng quy định tại Thông tư

09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính.

- Rà soát, tổng hợp tất cả các dự án đã, đang triển khai đặc biệt là các dự án đã hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành, các dự án dừng thực hiện kéo dài để xác định rõ các vướng mắc, khó khăn của từng dự án (nếu có), chủ động xây dựng Kế hoạch công tác năm 2019 để giải quyết dứt điểm theo thẩm quyền; có báo cáo chi tiết các khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân chậm quyết toán gửi Ủy ban nhân dân Thành phố và các Sở, ban, ngành có liên quan trong đó đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân Thành phố và các Sở, ban, ngành để chỉ đạo, hướng dẫn xử lý, tháo gỡ kịp thời các nội dung vượt thẩm quyền.

- Phân công nhiệm vụ thực hiện công tác quyết toán, đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận; thường xuyên kiểm soát kết quả thực hiện.

7. Đối với UBND các quận, huyện, thị xã:

- Tập trung chỉ đạo, xử lý dứt điểm các dự án hoàn thành chậm quyết toán; Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch làm việc trực tiếp với Chủ đầu tư từng dự án, yêu cầu cam kết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán, kiên quyết xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán đồng thời bố trí, sắp xếp, phân công hợp lý cán bộ, công chức thực hiện công tác thẩm tra quyết toán để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018.

- Ưu tiên bố trí kế hoạch vốn để thanh toán dứt điểm công nợ của các dự án sau khi được phê duyệt quyết toán; chỉ đạo Chủ đầu tư kịp thời lập hồ sơ thanh toán, thu hồi các khoản công nợ theo quyết định phê duyệt quyết toán; thực hiện tất toán tài khoản và đóng mã dự án theo quy định.

- Thực hiện chế độ Báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố, gửi Sở Tài chính để tổng hợp tình hình thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn và những khó khăn vướng mắc cần giải quyết.

B. Tái giám sát kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước

1. Kết quả đạt được.

Thực hiện kết luận, kiến nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách tại báo cáo số 98/BC-HĐND ngày 09/9/2017, UBND Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện ngay kiến nghị của Đoàn giám sát¹⁰. Các đơn vị được kiểm toán Nhà nước, Đoàn giám sát kiến nghị, về cơ bản đã thực hiện nghiêm túc kiến nghị kiểm toán, của Đoàn giám sát và trong năm 2018, 2019, UBND tiếp tục

¹⁰ Công văn số 5359/UBND-KT ngày 26/10/2017 của UBND Thành phố chỉ đạo các đơn vị khẩn trương hoàn thành việc thực hiện kiến nghị kiểm toán theo ý kiến của Đoàn giám sát.

đôn đốc các đơn vị thực hiện kiến nghị của kiểm toán¹¹. Đồng thời, đã chủ động phối hợp với Kiểm toán nhà nước khu vực I đề hướng dẫn và có giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị trong quá trình thực hiện kiến nghị kiểm toán.

Đối với các kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2014 đạt 98,2% (tăng 33,1% so với thời điểm giám sát năm 2017), 2015 đạt 90,7% (tăng 21,6% so với thời điểm giám sát 2017), năm 2016 kết quả thực hiện của các đơn vị đến nay đạt 95,8%. Nhiều đơn vị đã thực hiện nghiêm túc hoàn thành 100% các kiến nghị liên quan đến tài chính.¹² Các kiến nghị khác về nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng quản lý nhà nước cũng được các đơn vị chú trọng trong quá trình triển khai công việc liên quan.

2. Một số vướng mắc trong quá trình thực hiện

(1) Kiến nghị kiểm toán đối với một số nội dung trước đây nhưng hiện tại không còn các đối tượng, đơn vị liên quan đến nội dung được kiến nghị (kiến nghị đối với các đơn vị đã giải thể, sáp nhập...).

(2) Một số đơn vị, doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính chưa đủ nguồn kinh phí để thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

(3) Một số trường hợp, đơn vị đã thực hiện kiểm toán nhưng chưa cung cấp đầy đủ, chi tiết các chứng từ liên quan nên chưa được Kiểm toán nhà nước ghi nhận.

3. Kiến nghị đề xuất

3.1. Đối với UBND Thành phố:

- Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị hoàn thành việc thực hiện các kiến nghị kiểm toán nhà nước đã có kết luận của năm 2014, 2015, 2016 và 2017 và những năm tiếp theo.

- Phối hợp với Kiểm toán để có giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện đối với các trường hợp vướng mắc khi thực hiện kiến nghị kiểm toán.

3.2. Đối với Sở Tài chính, Cục Thuế Hà Nội:

- Tiếp tục có biện pháp quyết liệt để đôn đốc, xử phạt theo quy định, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

- Tham mưu cho Thành phố thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán, có biện pháp xử lý đối với những đơn vị chây ỳ không thực hiện kiến nghị kiểm toán.

3.3. Đối với các đơn vị được cơ quan kiểm toán Nhà nước kiến nghị sau kiểm toán:

¹¹ Công văn số 165/UBND-KT ngày 15/01/2018; 2371/UBND-KT ngày 28/5/2018; 6253/UBND-KT ngày 21/12/2018; 2006/UBND-KT ngày 14/5/2019

¹² UBND huyện Sóc Sơn, Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT Hà Nội.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể hoàn thành việc thực hiện các nội dung kiến nghị kiểm toán đã kết luận kiến nghị.

- Chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán theo quy định.

- Tăng cường công tác phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thực hiện các kiến nghị, kết luận của kiểm toán nhà nước.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện công tác quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn Thành phố và tái giám sát kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo Thường trực HĐND Thành phố và đề nghị các cơ quan có liên quan nghiên cứu giải quyết các kiến nghị ./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND TP (để b/cáo);
- Thành viên Ban KTNS;
- VP HĐND TP; VP UBND TP;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính; Xây dựng, GTVT, CT, NN&PTNT
- Công an Thành phố;
- Điện lực Hà Nội
- KBNN; QĐTPT Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT, P.TH(S,Th,C).

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



Hồ Văn Nga



Phụ lục 1

1. Dự án đã phê duyệt quyết toán trong kỳ báo cáo

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)
A	Tổng cộng	2.204	22.730.180	19.441.038	19.270.562	170.476
	Ngân sách cấp Thành phố	110	9.904.113	8.057.232	7.998.063	59.470
	Ngân sách cấp quận huyện	2.094	12.826.067	11.383.806	11.272.499	111.307
1	Nhóm A	11	1.443.114	1.308.082	1.306.968	1.113
	Ngân sách cấp Thành phố	11	1.443.114	1.308.082	1.306.968	1.113
	Ngân sách cấp quận huyện					
2	Nhóm B	62	7.967.558	6.710.601	6.649.766	60.835
	Ngân sách cấp Thành phố	41	6.531.722	5.413.160	5.364.246	48.915
	Ngân sách cấp quận huyện	21	1.435.836	1.297.440	1.285.520	11.920
3	Nhóm C	2.131	13.319.508	11.422.356	11.313.828	108.528
	Ngân sách cấp Thành phố	58	1.929.277	1.335.991	1.326.849	9.142
	Ngân sách cấp quận huyện	2.073	11.390.231	10.086.365	9.986.979	99.387



Phụ lục 1.1

Dự án sử dụng ngân sách do cấp Thành phố quản lý đã phê duyệt quyết toán trong năm 2018: 110 dự án

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)
A	Tổng cộng	110	9.904.113	8.057.232	7.998.063	59.169
1	Nhóm A	11	1.443.114	1.308.082	1.306.968	1.113
2	Nhóm B	41	6.531.722	5.413.160	5.364.246	48.915
3	Nhóm C	58	1.929.277	1.335.991	1.326.849	9.142
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới:					
1	Sở Tài nguyên Môi trường	1	58.851	32.961	32.475	486
	Nhóm B	1	58.851	32.961	32.475	486
	Dự án đo đạc hiện trạng cắm mốc ranh giới sử dụng đất cho các nông lâm trường, trạm trại và đất rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội	1	58.851	32.961	32.475	486
2	Sở Công Thương	1	14.750	14.749	14.503	246
	Nhóm C	1	14.750	14.749	14.503	246
	Xây dựng nhà kho tạm giữ hàng hóa, phương tiện vi phạm thuộc Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội	1	14.750	14.749	14.503	246
3	Sở Khoa học và Công nghệ	1	2.300	2.127	2.127	0
	Nhóm C	1	2.300	2.127	2.127	0
	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Sở Khoa học công nghệ tỉnh Hà Tây	1	2.300	2.127	2.127	0
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	5	444.538	369.865	369.694	171
	Nhóm B	5	444.538	369.865	369.694	171
	Cấp nước sạch liên xã Thanh Lâm, Đại Thịnh, Tam Đồng, Mê Linh	1	3.944	3.080	3.080	0
	Di chuyển nâng cấp trạm bơm Đan Hoài, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	1	121.288	116.130	116.086	44
	Dự án cấp nước sạch liên xã Trung Hoà, Trường Yên huyện Chương Mỹ	1	97.799	79.380	79.329	51
	Dự án cấp nước sạch liên xã Liên Phương, Vân Tảo, Hà Hồi, Hồng Vân, Thư Phú, huyện Thường Tín	1	132.672	97.725	97.580	145
	Mở rộng, nâng cấp đê hữu Hồng đoạn từ K30+850 đến K34+ 100 xã Sen Chiểu, huyện Phúc Thọ	1	88.835	73.550	73.619	-69
5	Sở Tư pháp	1	13.478	12.162	12.055	107
	Nhóm C	1	13.478	12.162	12.055	107
	Xây dựng Trụ sở làm việc Phòng công chứng số 10	1	13.478	12.162	12.055	107
6	Sở Văn hóa Thể thao	2	22.312	21.659	21.294	365
	Nhóm C	2	22.312	21.659	21.294	365
	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Bà Kiệu, quận Hoàn Kiếm	1	20.946	20.331	19.996	335
	Đầu tư trang thiết bị chuyên dùng cho hoạt động thông tin và truyền thông và truyền thông cổ động	1	1.366	1.328	1.299	30
7	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông thành phố Hà Nội	22	1.673.807	1.281.179	1.276.329	4.850
	Nhóm A	6	471.014	403.350	402.744	606
	ĐTXD đường Phúc La- Văn Phú Km0- Km4+299	1	372.083	320.028	319.665	363
	Phá dỡ thu gom vận chuyển phế thải rắn phục vụ GPMB 216 hộ tại Phú Thượng	1	8.468	7.706	7.706	0
	Phá dỡ thu gom vận chuyển phế thải rắn phục vụ GPMB 110 hộ tại Phú Thượng	1	7.606	6.893	6.865	28
	Di chuyển hệ thống thông tin viễn thông đoạn nút giao đường Nam Hồng	1	2.926	2.520	2.508	12

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Di chuyển tuyến cáp và đường dây thông tin viễn thông nút Phú Thượng	1	3.935	2.692	2.677	15
	Hạ ngầm các đường dây 110kV nút Phú Thượng	1	75.996	63.511	63.323	188
	Nhóm B	5	908.896	656.703	653.734	2.969
	Đầu tư xây dựng khu công viên cây xanh kết hợp xây dựng nghĩa trang di chuyển các phần mộ phục vụ GPMB đường 5 kéo dài và cầu Nhật Tân tại xã Vĩnh Ngọc, Tạm Xá- huyện Đông Anh	1	119.652	117.213	116.856	357
	Đầu tư xây dựng công trình đường 446 từ Km0+00 đến Km15+300 huyện Thạch Thất, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	127.176	117.325	117.302	23
	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Lê Văn Lương- Đường Láng để hạn chế ùn tắc giao thông	1	205.615	135.903	135.821	81
	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Nguyễn Chí Thanh- Đường Láng để hạn chế ùn tắc giao thông	1	348.165	204.265	204.167	98
	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh 420 (TL84 cũ) đoạn từ Km7+430 đến Km15+230, qua địa bàn huyện Thạch Thất và huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	1	108.288	81.997	79.587	2.410
	Nhóm C	11	293.897	221.126	219.850	1.276
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường khu vực từ cửa khẩu An Dương đến Cửa Bắc	1	6.622	5.334	5.334	0
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường khu công nghiệp Bắc Thăng Long	1	7.015	5.829	5.823	7
	Xây dựng hoàn thiện đường nối từ nút giao hầm Kim Liên đến tuyến đường Kim Liên mới	1	52.393	49.501	48.738	762
	Xây dựng tuyến mương thoát nước phường Phúc Xá	1	21.294	20.320	20.320	0
	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Trôi Km3+479 trên đường tỉnh 418 (ĐT 82 cũ), huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	1	22.124	20.924	20.825	99
	Hạ ngầm các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin hiện đang đi nổi trên tuyến Cát Linh - La Thành	1	34.509	23.937	23.824	113
	Hạ ngầm các đường dây đi nổi trên tuyến Trần Phú, quận Hà Đông	1	49.350	37.046	36.863	183
	Đầu tư xây dựng công trình cầu nối Khu đô thị mới Pháp Vân với Khu đô thị mới Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì	1	33.654	32.841	32.841	0
	Cải tạo hạ tầng kỹ thuật ngoài dự án Khu nhà ở Đầm Trấu	1	28.418	2.163	2.147	16
	Cải tạo nâng cấp đoạn còn lại của tuyến đường 23B trên địa bàn huyện Mê Linh (từ nghĩa trang Thanh Tước đến hết địa phận huyện Mê Linh)	1	30.923	19.234	19.138	95
	Xây dựng cầu Đồng Trầm Km2+200 tỉnh lộ 414C, huyện Ba Vì	1	7.596	3.997	3.997	0
8	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình văn hóa xã hội thành phố Hà Nội	10	633.964	551.538	549.063	2.475
	Nhóm A	2	74.899	68.187	68.187	0
	Dự án thành phần Khu di dân Hải Bối 1 thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng đô thị Bắc Thăng Long- Văn Trì	1	26.023	23.383	23.383	0
	Dự án thành phần Khu di dân Hải Bối 2 thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng đô thị Bắc Thăng Long- Văn Trì	1	48.876	44.804	44.804	0
	Nhóm B	3	535.571	460.562	459.354	1.208

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Trung tâm giáo dục lao động xã hội số VIII	1	44.664	40.791	40.493	298
	Xây dựng trường cao đẳng nghề Việt Nam- Hàn Quốc	1	426.724	376.578	375.712	866
	Cải tạo, mở rộng, nâng cấp nghĩa trang Mai Dịch	1	64.183	43.193	43.149	44
	Nhóm C	5	23.494	22.789	21.522	1.267
	Đầu tư xây mới, cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh và nước sạch cho trường học xã Phú Minh- huyện Sóc Sơn (thuộc Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng của thành phố Hà Nội)	1	1.976	1.841	1.839	2
	Đầu tư xây mới, cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh và nước sạch cho trường học xã Nam Hồng, huyện Đông Anh (thuộc Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng của thành phố Hà Nội)	1	1.895	1.492	1.491	1
	Đầu tư xây mới, cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh và nước sạch cho trường học huyện Thanh Oai (thuộc Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng của thành phố Hà Nội)	1	802	762	762	0
	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại số 47 Hàng Dầu	1	11.262	11.136	11.041	94
	Xây dựng đoạn đường từ khu tái định cư Nam Trung Yên đến đường Phạm Hùng (sát tường rào phía Bắc Bộ Tư lệnh Thủ đô)	1	7.559	7.559	6.390	1.169
9	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	4	113.148	96.579	94.275	2.304
	Nhóm B	2	105.756	91.354	89.050	2.304
	Xây dựng cải tạo trường THPT Ngô Thị Nhậm, huyện Thanh Trì	1	54.684	41.854	39.550	2.304
	Xây dựng, cải tạo trường THPT Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	1	51.072	49.500	49.500	0
	Nhóm C	2	7.393	5.224	5.224	0
	Dự án chuẩn bị và khai thác quỹ đất để xây dựng tuyến phố hai bên đường đoạn đường Kim Liên- Ô chợ Dừa	1	2.468	300	300	0
	Trung tâm tích hợp dữ liệu - giai đoạn II	1	4.925	4.925	4.925	0
10	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường Hà Nội	4	415.279	361.138	360.260	878
	Nhóm A	1	153.418	144.250	144.250	0
	Gói thầu CP6.1: Cải tạo hồ 1 Hồ Mè, Hào Nam, Đống Đa, Bảy Mẫu thuộc dự án thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - Dự án II	1	153.418	14.250	144.250	0
	Nhóm B	2	227.429	186.337	185.682	654
	Xây dựng vườn ươm Song Phượng, huyện Đan Phượng (phần GPMB và hạ tầng thiết yếu)	1	102.574	101.885	101.774	111
	Xây dựng, lắp đặt 500 trụ điểm lấy nước cứu hoả trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011-2012	1	124.855	84.452	83.908	543
	Nhóm C	1	34.432	30.551	30.327	224
	Cải tạo thoát nước phố Vũ Xuân Thiều	1	34.432	30.551	30.327	224
11	Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và PTNT	5	432.482	362.435	362.023	412
	Nhóm C	5	432.482	362.435	362.023	412
	Nạo vét, cải tạo sông Giàng, huyện Gia Lâm	1	48.925	40.322	40.183	139
	Trạm bơm Thạch Nham	1	89.929	88.273	88.184	89

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Nâng cấp kênh N2 hồ Đại Lải (đoạn tuyến trên địa bàn huyện Sóc Sơn)	1	43.156	36.758	36.586	171
	Xử lý sạt lở bờ sông, xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ	1	12.260	11.499	11.487	13
	Xử lý tổng thể khu vực bờ sông Thanh Am và sạt lở đầu cầu Đường	1	238.212	185.584	185.584	0
12	Ban QLDA đầu tư xây dựng quận Tây Hồ (BQLDA XD Hạ tầng KT xung quanh Hồ Tây)	2	115.036	101.925	101.371	554
	Nhóm A	1	61.765	55.110	54.816	294
	Hạng mục công trình hoàn thành gói thầu số 10 (đoạn từ làng Nghi Tâm - đường Xuân Diệu- nhà nghỉ Trung Ương) thuộc dự án Xây dựng HTKT xung quanh Hồ Tây	1	61.765	55.110	54.816	294
	Nhóm B	1	53.271	46.815	46.555	260
	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất D6,D7,D9 nằm giữa đường Lạc Long Quân và đường vành đai 2 phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất	1	53.271	46.815	46.555	260
13	Trung tâm bảo trợ xã hội III	1	12.942	12.035	11.739	296
	Nhóm C	1	12.942	12.035	11.739	296
	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bảo trợ xã hội III	1	12.942	12.035	11.739	296
14	Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần Hà Nội	1	25.693	25.692	25.601	92
	Nhóm C	1	25.693	25.692	25.601	92
	Tăng cường cơ sở vật chất khu điều dưỡng tâm thần	1	25.693	25.692	25.601	92
15	Trường Trung học phổ thông bán công Tiến Thịnh - huyện Mê Linh (nay là Trường THPT Tiến Thịnh, huyện Mê Linh)	1	13.997	13.230	12.905	324
	Nhóm C	1	13.997	13.230	12.905	324
	Trường THPT bán công Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	1	13.997	13.230	12.905	324
16	Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội (nay là Công an thành phố Hà Nội)	1	682.017	637.184	636.970	214
	Nhóm A	1	682.017	637.184	636.970	214
	Đầu tư trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn và cơ sở vật chất cho 10 phòng Cảnh sát PCCC khu vực hiện có	1	682.017	637.184	636.970	214
17	UBND quận Hà Đông	1	135.200	128.232	128.150	82
	Nhóm B	1	135.200	128.232	128.150	82
	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Quận ủy, HĐND, UBND quận Hà Đông	1	135.200	128.232	128.150	82
18	UBND huyện Gia Lâm	5	592.795	527.352	525.107	2.245
	Nhóm B	4	578.475	515.936	513.746	2.190
	Xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối từ quốc lộ 5 vào khu công nghiệp Hapro (giai đoạn 1)	1	125.231	111.236	110.366	870
	Xây dựng trường tiểu học trong khu đô thị Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm	1	68.949	54.606	54.550	56
	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Trâu Quỳ phục vụ GPMB các dự án trên địa bàn huyện Gia Lâm	1	231.500	197.624	196.641	983
	Xây dựng hạ tầng cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm (giai đoạn 2)	1	152.795	152.470	152.189	281
	Nhóm C	1	14.320	11.416	11.361	55

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường giao thông 179 từ dốc đê Văn Giang đến bến phà Văn Đức, huyện Gia Lâm	1	14.320	11.416	11.361	55
19	UBND huyện Mê Linh	2	83.910	61.863	61.722	142
	Nhóm C	2	83.910	61.863	61.722	142
	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất và cấp đất tái định cư tại khu Ao Đấu, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh	1	64.191	43.449	43.399	51
	Xây dựng trường THPT Tự Lập, huyện Mê Linh	1	19.719	18.414	18.323	91
20	UBND huyện Sóc Sơn	4	284.973	272.976	272.146	830
	Nhóm B	2	209.393	200.908	200.204	704
	Xây dựng công trình quản lý và phòng cháy chữa cháy rừng huyện Sóc Sơn (giai đoạn 1)	1	164.875	160.359	159.655	704
	Trường trung học cơ sở Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	1	44.518	40.549	40.549	0
	Nhóm C	2	75.580	72.068	71.942	126
	Xây dựng trung tâm y tế huyện Sóc Sơn	1	51.517	50.601	50.598	3
	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ Cầu Bãi xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn	1	24.063	21.466	21.344	122
21	UBND huyện Thanh Trì	3	285.782	248.228	246.043	2.185
	Nhóm B	1	227.529	205.618	203.495	2.123
	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB xã Tứ Hiệp, Thanh Trì	1	227.529	205.618	203.495	2.123
	Nhóm C	2	58.253	42.610	42.548	62
	Dự án đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư Liên Ninh (phục vụ GPMB dự án cải tạo quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi và 1 số dự án khác trên địa bàn huyện Thanh Trì)	1	43.472	27.939	27.904	35
	Xây dựng đảo hoa tâm thuộc Khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An, huyện Thanh Trì	1	14.781	14.671	14.644	27
22	UBND huyện Thường Tín	2	36.178	34.599	34.117	483
	Nhóm C	2	36.178	34.599	34.117	483
	Cải tạo nâng cấp Trạm y tế xã Tiên Phong	1	10.119	9.666	9.377	289
	Cải tạo, chỉnh trang sông Kim Ngưu trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	26.059	24.934	24.740	194
23	UBND quận Đống Đa (Ban QLDA đầu tư xây dựng quận Đống Đa trực tiếp quản lý, thực hiện DA)	1	656.889	504.399	504.209	190
	Nhóm B	1	656.889	504.399	504.209	190
	Đầu tư xây dựng công trình Khu nhà ở di dân GPMB tại ao Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	1	656.889	504.399	504.209	190
24	UBND huyện Ba Vì	4	538.506	516.659	515.375	1.284
	Nhóm B	3	520.608	499.616	498.621	995
	Xây dựng trường THPT Minh Quang	1	63.212	60.534	59.882	652
	Cải tạo nâng cấp hệ thống tưới Trung Hà thay thế nhiệm vụ tưới của hồ Suối Hai	1	355.821	341.996	341.797	199
	Cải tạo nâng cấp vai đập, kiên cố hoá kênh sau hồ, đập 7 xã miền núi, Ba Vì	1	101.575	97.086	96.942	144
	Nhóm C	1	17.898	17.043	16.754	289
	Trạm bơm tưới vùng bãi Châu Phú, Ba Vì	1	17.898	17.043	16.754	289
25	UBND huyện Thanh Oai	2	180.112	126.952	126.702	250
	Nhóm B	1	111.872	80.599	80.453	146
	Xây dựng HTKT cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung xã Bình Minh, huyện Thanh Oai	1	111.872	80.599	80.453	146
	Nhóm C	1	68.240	46.353	46.250	103
	Xây dựng cầu Mỹ Hưng - Tả Thanh Oai	1	68.240	46.353	46.250	103
26	UBND huyện Ứng Hoà	1	22.562	22.102	22.102	0
	Nhóm C	1	22.562	22.102	22.102	0
	Kiên cố hoá kênh tưới Du Đồng- Ngũ Luân kết hợp đường giao thông nội đồng xã Đại Hùng	1	22.562	22.102	22.102	0

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
27	UBND huyện Thạch Thất	1	150.094	115.430	115.430	0
	Nhóm B	1	150.094	115.430	115.430	0
	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 419 (đoạn Km7+730 đến Km11+552)	1	150.094	115.430	115.430	0
	Nhóm C	1	54.320	48.474	47.765	708
	Dự án Đường tỉnh 419 (ĐT 80 cũ), đoạn qua thị trấn Liên Quan đoạn từ Km4+84 đến Km5+587,1 và đoạn từ Km6+874,3 đến Km7+730, huyện Thạch Thất	1	54.320	48.474	47.765	708
28	UBND quận Nam Từ Liêm	3	40.673	39.570	39.522	48
	Nhóm C	3	40.673	39.570	39.522	48
	Trạm y tế phường Mỹ Đình	1	14.976	14.664	14.664	0
	Trạm y tế phường Xuân Phương	1	11.201	10.617	10.600	17
	Trạm y tế phường Phú Đô	1	14.496	14.289	14.258	31
29	UBND quận Thanh Xuân	2	602.330	538.159	537.126	1.033
	Nhóm B	2	602.330	538.159	537.126	1.033
	Dự án nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại điểm X2 phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân	1	192.106	183.405	183.038	367
	Dự án nhà ở di dân giải phóng mặt bằng tại phường Kim Giang, quận Thanh Xuân	1	410.224	354.754	354.088	666
30	UBND quận Bắc Từ Liêm (Trung tâm PT quỹ đất quận Bắc Từ Liêm trực tiếp quản lý, thực hiện dự án)	5	407.155	46.379	44.378	2.001
	Nhóm C	5	407.155	46.379	44.378	2.001
	Xây dựng HTKT khu tái định cư mở rộng tại xã Xuân Phương phục vụ di dân GPMB nâng cấp mở rộng Quốc lộ 32 (đoạn Cầu Diễn - Nhôn)	1	49.436	38.361	37.894	467
	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT1 khu tái định cư tập trung huyện Từ Liêm	1	535	458	407	51
	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT2 khu tái định cư tập trung huyện Từ Liêm	1	178.475	4.255	2.920	1.335
	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT3 khu tái định cư tập trung huyện Từ Liêm	1	178.345	2.964	2.850	114
	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT7 khu tái định cư tập trung huyện Từ Liêm	1	364	341	307	34
31	UBND thị xã Sơn Tây	1	97.606	75.094	75.074	20
	Nhóm B	1	97.606	75.094	75.074	20
	Xây dựng HTKT Khu tái định cư phục vụ GPMB xây dựng cầu Vĩnh Thịnh và một số dự án có thu hồi đất trên địa bàn xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây	1	97.606	75.094	75.074	20
32	UBND quận Long Biên	1	385.147	238.173	217.717	20.456
	Nhóm B	1	385.147	238.173	217.717	20.456
	Xây dựng HTKT khu đất hỗn hợp (gồm các ô quy hoạch: TH2, TH1, CC2, NO1, P02, CX02, CL, KT) và tuyến đường liền kề khu đất (tổng chiều dài 853m) phường Đức Giang và phường Việt Hưng, quận Long Biên	1	385.147	238.173	217.717	20.456
33	UBND quận Hoàng Mai	1	9.518	8.329	8.329	0
	Nhóm C	1	9.518	8.329	8.329	0
	Trạm Y tế phường Mai Động, Hoàng Mai	1	9.518	8.329	8.329	0
34	Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội	1	9.422	8.977	8.793	184
	Nhóm C	1	9.422	8.977	8.793	184
	Đầu tư trang thiết bị nội thất trung tâm truyền dẫn phát sóng Đài Phát thanh và truyền hình Hà Nội	1	9.422	8.977	8.793	184
35	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Sông Tích	1	96.632	87.581	87.700	-119
	Nhóm B	1	96.632	87.581	87.700	-119
	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Cấn Hạ, huyện Quốc Oai	1	96.632	87.581	87.700	-119

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
36	Trường cao đẳng Điện tử điện lạnh Hà nội (Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn thiết kế xây dựng Việt Nam trực tiếp quản lý, thực hiện dự án)	1	30.111	29.933	29.899	34
	Nhóm C	1	30.111	29.933	29.899	34
	Xây dựng ký túc xá sinh viên Trường cao đẳng Điện tử điện lạnh Hà Nội	1	30.111	29.933	29.899	34
37	Trường THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	1	14.974	13.707	13.681	25
	Nhóm C	1	14.974	13.707	13.681	25
	Cải tạo chống xuống cấp trường THPT Vạn Xuân, Hoài Đức	1	14.974	13.707	13.681	25
38	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ	1	88.992	88.788	88.515	273
	Nhóm C	1	88.992	88.788	88.515	273
	Xây dựng trạm bơm Xóm Cát, huyện Ứng Hoà	1	88.992	88.788	88.515	273
39	Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông					
	Nhóm B	2	319.819	273.351	262.977	10.374
	Đầu tư xây dựng trạm cấp nước số 3 (trạm tăng áp) và hệ thống đường ống truyền dẫn tiếp nhận nước Sông Đà, quận Hà Đông, Hà Nội	1	214.002	167.884	160.179	7.705
40	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp (Đại diện liên danh: Công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp và Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc đô thị Hà Nội)	1	105.817	105.467	102.798	2.669
	Nhóm B	1	105.817	105.467	102.798	2.669
	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng	1	105.817	105.467	102.798	2.669



Phụ lục 1.2

Dự án sử dụng ngân sách do cấp quận, huyện quản lý đã phê duyệt quyết toán hết năm 2018: 2.094 dự án

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)
A	Tổng cộng	2,094	12,826,067	11,383,806	11,272,499	111,307
1	Nhóm A	0	0	0	0	0
2	Nhóm B	21	1,435,836	1,297,440	1,285,520	11,920
3	Nhóm C	2,073	11,390,231	10,086,365	9,986,979	99,387
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới:					
1	UBND quận Ba Đình	19	239,592	225,742	225,448	294
	Nhóm B	3	152,219	143,312	143,107	205
	Nhóm C	16	87,373	82,430	82,341	89
2	UBND quận Cầu Giấy	30	203,057	195,864	195,057	807
	Nhóm B	1	94,372	91,091	90,845	246
	Nhóm C	29	108,685	104,773	104,212	561
3	UBND quận Đống Đa	6	151,449	118,030	117,761	269
	Nhóm B					0
	Nhóm C	6	151,449	118,030	117,761	269
4	UBND quận Hai Bà Trưng	23	310,550	266,951	265,755	1,196
	Nhóm B	2	141,547	119,961	119,613	348
	Nhóm C	21	169,003	146,990	146,142	848
5	UBND quận Hà Đông	76	493,358	445,279	440,518	4,761
	Nhóm B					0
	Nhóm C	76	493,358	445,279	440,518	4,761
6	UBND quận Hoàn Kiếm	14	387,522	357,480	356,952	528
	Nhóm B	1	80,252	77,396	77,393	3
	Nhóm C	13	307,270	280,084	279,559	525
7	UBND quận Hoàng Mai	22	339,454	286,301	285,027	1,274
	Nhóm B	4	224,475	177,425	176,489	936
	Nhóm C	18	114,979	108,876	108,538	338
8	UBND quận Long Biên	45	1,288,465	749,409	738,845	10,564
	Nhóm B					0
	Nhóm C	45	1,288,465	749,409	738,845	10,564
9	UBND quận Tây Hồ	37	345,504	291,306	286,440	4,866
	Nhóm B					0
	Nhóm C	37	345,504	291,306	286,440	4,866
10	UBND quận Thanh Xuân	24	337,841	286,851	284,251	2,600
	Nhóm B	1	185,978	152,534	151,622	912
	Nhóm C	23	151,863	134,317	132,629	1,688
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	47	265,073	235,031	231,075	3,956
	Nhóm B					0
	Nhóm C	47	265,073	235,031	231,075	3,956

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
12	UBND quận Nam Từ Liêm	52	547,229	494,458	488,906	5,552
	Nhóm B	2	107,347	95,184	95,087	97
	Nhóm C	50	439,882	399,274	393,819	5,455
13	UBND huyện Ba Vì	76	610,835	574,339	571,026	3,313
	Nhóm B					0
	Nhóm C	76	610,835	574,339	571,026	3,313
14	UBND huyện Chương Mỹ	106	275,969	269,728	265,364	4,364
	Nhóm B					0
	Nhóm C	106	275,969	269,728	265,364	4,364
15	UBND huyện Đan Phượng	116	503,520	474,153	467,153	7,000
	Nhóm B	1	117,415	112,250	111,913	338
	Nhóm C	115	386,105	361,903	355,240	6,663
16	UBND huyện Đông Anh	220	829,453	764,303	764,278	25
	Nhóm B					0
	Nhóm C	220	829,453	764,303	764,278	25
17	UBND huyện Gia Lâm	39	618,925	586,617	571,003	15,614
	Nhóm B	6	332,230	328,288	319,452	8,836
	Nhóm C	33	286,695	258,330	251,551	6,778
18	UBND huyện Hoài Đức	46	206,239	189,645	187,226	2,419
	Nhóm B					0
	Nhóm C	46	206,239	189,645	187,226	2,419
19	UBND huyện Mê Linh	37	197,089	173,186	172,001	1,185
	Nhóm B					0
	Nhóm C	37	197,089	173,186	172,001	1,185
20	UBND huyện Mỹ Đức	13	126,831	121,428	120,638	790
	Nhóm B					0
	Nhóm C	13	126,831	121,428	120,638	790
21	UBND huyện Phú Xuyên	142	312,798	284,161	282,010	2,151
	Nhóm B					0
	Nhóm C	142	312,798	284,161	282,010	2,151
22	UBND huyện Phúc Thọ	42	199,033	182,629	181,791	838
	Nhóm B					0
	Nhóm C	42	199,033	182,629	181,791	838
23	UBND huyện Quốc Oai	136	700,176	670,448	657,560	12,888
	Nhóm B					0
	Nhóm C	136	700,176	670,448	657,560	12,888
24	UBND huyện Sóc Sơn	71	770,583	740,356	737,072	3,284
	Nhóm B					0
	Nhóm C	71	770,583	740,356	737,072	3,284
25	UBND huyện Thạch Thất	174	822,469	789,938	784,678	5,260
	Nhóm B					0
	Nhóm C	174	822,469	789,938	784,678	5,260
26	UBND huyện Thanh Oai	199	573,331	542,351	537,243	5,108

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Nhóm B					0
	Nhóm C	199	573,331	542,351	537,243	5,108
27	UBND huyện Thanh Trì	118	353,945	316,297	309,806	6,491
	Nhóm B					0
	Nhóm C	118	353,945	316,297	309,806	6,491
28	UBND huyện Thường Tín	76	142,746	134,989	133,996	993
	Nhóm B					0
	Nhóm C	76	142,746	134,989	133,996	993
29	UBND huyện Ứng Hòa	32	272,580	244,980	242,950	2,030
	Nhóm B					0
	Nhóm C	32	272,580	244,980	242,950	2,030
30	UBND Thị xã Sơn Tây	56	400,451	371,555	370,669	886
	Nhóm B					0
	Nhóm C	56	400,451	371,555	370,669	886



Phụ lục 2

CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHƯA NỘP HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại dự án	Tổng cộng	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán trên 24 tháng		
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
	Tổng cộng	394	301	12,189,219	9,410,557	84	1,571,870	1,255,732	9	4,097,099	3,136,862
1	Nhóm A	2	1	861,977	679,195	0	0	0	1	3,597,754	2,816,927
	Ngân sách cấp Thành phố	2	1	861,977	679,195	0	0	0	1	3,597,754	2,816,927
	Ngân sách cấp huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhóm B	42	34	7,495,139	5,842,582	6	579,012	457,336	2	433,616	263,032
	Ngân sách cấp Thành phố	21	19	6,002,430	4,580,713	1	193,360	158,327	1	360,498	209,999
	Ngân sách cấp huyện	21	15	1,492,709	1,261,869	5	385,652	299,009	1	73,118	53,033
3	Nhóm C	350	266	3,832,103	2,888,780	78	992,858	798,396	6	65,729	56,903
	Ngân sách cấp Thành phố	15	15	780,349	636,853	0	0	0	0	0	0
	Ngân sách cấp huyện	335	251	3,051,754	2,251,927	78	992,858	798,396	6	65,729	56,903

Phụ Lục 2.1
Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán tính đến hết năm 2018 (Ngân sách cấp Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Loại dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập BC quyết toán			Dự án chậm nộp BC quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp BC quyết toán từ 24 tháng trở lên		
				Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
A	Tổng số		38	35	7.644.756	5.896.761	1	193.360	158.327	2	3.958.252	3.026.926
	Nhóm A	A	2	1	861.977	679.195				1	3.597.754	2.816.927
	Nhóm B	B	21	19	6.002.430	4.580.713	1	193.360	158.327	1	360.498	209.999
	Nhóm C	C	15	15	780.349	636.853						
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới											
1	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		1	1	94315	65561						
	Dự án cấp nước sạch liên xã Tam Hưng, Thanh Thủy huyện Thanh Oai	B		1	94.315	65.561						
2	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG		7	5	263.178	165.589				2	3.958.252	3.026.926
	Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu (giai đoạn 1)	A								1	3.597.754	2.816.927
	XD cầu vượt tại nút giao đường Nguyễn Chí Thanh - Kim Mã	B								1	360.498	209.999
	Đường nối từ ĐLTL kéo dài đến QL 21, huyện Thạch Thất	C		1	55.257	26.053						
	ĐTXD cầu Quảng Tái	C		1	37.991	23.150						
	ĐTXD cầu Zét Chương Mỹ	C		1	64.684	37.330						
	ĐTXD cầu Yên trình huyện Chương Mỹ	C		1	39.719	18.879						
	Đường tỉnh 426 (78 cũ) Km0-Km7+900	C		1	65.527	60.177						
3	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH VĂN HÓA - XÃ HỘI		2	2	1.194.000	969.948						
	Dự án đầu tư nâng cấp bệnh viện đa khoa Đức Giang	A		1	861.977	679.195						
	Dự án Cải tạo bệnh viện đa khoa Xanh pôn và xây dựng nhà điều trị nội khoa	B		1	332.023	290.753						
4	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG		1	1	23.205	19.702						
	Đầu tư xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục tại Khu LHXH chất thải Sóc Sơn	B		1	23.205	19.702						
5	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT		3	3	235.551	107.198						
	Xây dựng trạm bơm Vĩnh Phúc	C		1	37.050	35.583						
	Trạm bơm (tiểu Sơn, Thạch Thất)	C		1	114.021	87.176						
	Trạm bơm Xém, Thường Tín	C		1	84.480	84.439						
6	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP		1	1	65.822	53.164						
	Xây dựng trường THPT Liên Hà	B		1	65.822	53.164						
7	UBND HUYỆN THANH OAI		1	1	13.492	11.851						
	Trạm bơm Thiên Đông xã Mỹ Hưng huyện Thanh Oai	C		1	13.492	11.851						
8	UBND QUẬN LONG BIÊN		5	5	2.097.047	1.217.400						
	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Văn Cừ tới đê Tả Ngạn sông Hồng (đường 40m Bô Đê)	B		1	985.534	622.343						
	Xây dựng đường trên tuyến đê Tả Hồng, Hữu Đuông nối từ cầu Chương Dương đến đường 5 kéo dài	B		1	359.932	217.188						

TT	Loại dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập BC quyết toán			Dự án chậm nộp BC quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp BC quyết toán từ 24 tháng trở lên		
				Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Xây dựng đường nối từ đường 5 kéo dài đến Cầu Đuống	B		1	497.348	227.273						
	Cải tạo, chỉnh trang đồng bộ HTKT tuyến đường Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên	B		1	254.233	150.596						
	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Cầu Chui - cầu Đuống (phố Ngô Gia Tự)	B		1	1.582.913	1.514.569						
9	UBND HUYỆN ỨNG HÒA		2	2	77.888	73.489						
	Lát mái hoàn chỉnh kè chống sạt lở bờ tả Đông Dáy nâng cấp trạm bơm Lưu Hoàng huyện Ứng Hòa	C		1	14.988	13.192						
	Kè chống sạt lở và cứng hoá bờ kênh Vân Đình	C		1	62.900	60.297						
10	UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM		1	1	115.635	102.198						
	GPMB tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất ký hiệu ĐM1, phường Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	B		1	115.635	102.198						
11	UBND HUYỆN GIA LÂM		1	1	372.914	366.055						
	Cải tạo, nâng cấp đường dọc Hội - Đại học Nông nghiệp 1	B		1	372.914	366.055						
12	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HÀ NỘI		4	4	190.240	178.727						
	GPMB tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích Bích Câu Đào Quán	C		1	22.692	22.692						
	GPMB và san nền sơ bộ Khu công viên Mễ Trì (X3)	C		1	65.696	59.215						
	GPMB ô đất 583 đường Nguyễn Văn Cừ, P Gia Thụy, Long Biên	C		1	1.641	1.641						
	GPMB để xây dựng nhà ở công nhân Khu công nghiệp Bắc Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	C		1	100.211	95.179						
13	UBND QUẬN CẦU GIẤY		8	8	1.412.871	1.016.872						
	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng N03 (thuộc dự án xây dựng nhà ở chung cư cao tầng N01, N02, N03 khu tái định cư phục vụ GPMB phía Tây Nam Đại học Thương mại)	B		1	49.168	47.109						
	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng N01, N02 (thuộc dự án xây dựng nhà ở chung cư cao tầng N01, N02, N03 khu tái định cư phục vụ GPMB phía Tây Nam Đại học Thương mại)	B		1	484.328	394.317						
	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng N07 khu di dân GPMB tại Dịch Vọng	B		1	108.984	92.666						
	Xây dựng và đấu nối HTKT ô đất D29 khu ĐTM Cầu Giấy	B		1	26.707	22.664						
	Xây dựng HTKT khu di dân GPMB tại Dịch Vọng	B		1	36.091	32.109						
	Đường Tô Hiệu kéo dài	B		1	98.378	90.943						
	Đường chợ nhà xanh kéo dài	B		1	9.311	4.889						
	Đường Trần Đăng Ninh kéo dài	B		1	599.904	332.175						
14	UBND QUẬN HAI BÀ TRUNG		1				1	193.360	158.327			
	Xây dựng trụ sở hành chính quận Hai Bà Trưng	B					1	193.360	158.327			

Phụ lục 2.2

Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán về Phòng Tài chính - Kế hoạch tính đến hết năm 2018

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Loại dự án sử dụng ngân sách cấp quận huyện	Tổng số DA chưa nộp hồ sơ	Dự án trong thời hạn lập BC quyết toán			Dự án chậm nộp BC quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp BC quyết toán từ 24 tháng trở lên		
			Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
A	Tổng cộng	356	266	4.544.463	3.513.796	83	1.378.510	1.097.405	7	138.847	109.936
	Nhóm B		15	1.492.709	1.261.869	5	385.652	299.009	1	73.118	53.033
	Nhóm C		251	3.051.754	2.251.927	78	992.858	798.396	6	65.729	56.903
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới										
1	UBND quận Ba Đình	11	8	181.296	122.867	3	165.112	138.310			
	Nhóm B	3	1	112.759	82.071	2	164.512	137.880			
	Nhóm C	8	7	68.537	40.796	1	600	430			
2	UBND quận Cầu Giấy	12	12	597.402	546.332						
	Nhóm B	3	3	485.857	464.287						
	Nhóm C	9	9	111.545	82.045						
3	UBND quận Đống Đa	9	9	267.258	198.720						
	Nhóm B	3	3	196.883	150.930						
	Nhóm C	6	6	70.375	47.790						
4	UBND quận Hai Bà Trưng	1				1	1.973	1.184			
	Nhóm B										
	Nhóm C	1				1	1.973	1.184			
5	UBND quận Hà Đông	15				15	265.790	212.742			
	Nhóm B										
	Nhóm C	15				15	265.790	212.742			
6	UBND quận Hoàn Kiếm	6	3	154.302	103.901	3	130.129	97.495			
	Nhóm B	1	1	93.098	64.820						
	Nhóm C	5	2	61.204	39.081	3	130.129	97.495			
7	UBND quận Hoàng Mai	21	1	14.269	13.448	18	212.927	185.900	2	97.279	73.986
	Nhóm B	2				1	51.093	42.410	1	73.118	53.033
	Nhóm C	19	1	14.269	13.448	17	161.834	143.490	1	24.161	20.953
8	UBND quận Long Biên										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
9	UBND quận Tây Hồ										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
10	UBND quận Thanh Xuân	2	2	3.178	2.313						
	Nhóm B										
	Nhóm C	2	2	3.178,0	2.313,3						
11	UBND quận Bắc Từ Liêm										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
12	UBND quận Nam Từ Liêm	19	17	650.347	530.200	2	170.047	118.719			
	Nhóm B	7	5	489.821	405.771	2	170.047	118.719			

TT	Loại dự án sử dụng ngân sách cấp quận huyện	Tổng số DA chưa nộp hồ sơ	Dự án trong thời hạn lập BC quyết toán			Dự án chậm nộp BC quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp BC quyết toán từ 24 tháng trở lên		
			Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
	Nhóm C	12	12	160.526	124.429						
13	UBND huyện Ba Vì	9	4	64.718	48.941	5	49.459	42.263			
	Nhóm B										
	Nhóm C	9	4	64.718	48.941	5	49.459	42.263			
14	UBND huyện Chương Mỹ	17	2	26.653	20.351	15	198.808	155.844			
	Nhóm B										
	Nhóm C	17	2	26.653	20.351	15	198.808	155.844			
15	UBND huyện Đan Phượng	5	5	41.133	31.687						
	Nhóm B										
	Nhóm C	5	5	41.133	31.687						
16	UBND huyện Đông Anh	5	5	295.162	219.718						
	Nhóm B										
	Nhóm C	5	5	295.162	219.718						
17	UBND huyện Gia Lâm	23	23	398.868	257.948						
	Nhóm B	2	2	114.291	93.990						
	Nhóm C	21	21	284.577	163.958						
18	UBND huyện Hoài Đức	52	52	345.052	263.061						
	Nhóm B										
	Nhóm C	52	52	345.052	263.061						
19	UBND huyện Mê Linh	19	8	53.327	38.151	8	83.233	67.631	3	22.363	17.080
	Nhóm B										
	Nhóm C	19	8	53.327	38.151	8	83.233	67.631	3	22.363	17.080
20	UBND huyện Mỹ Đức										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
21	UBND huyện Phú Xuyên	10	10	223.438	176.472						
	Nhóm B										
	Nhóm C	10	10	223.438	176.472						
22	UBND huyện Phúc Thọ	12	10	147.067	54.901	2	3.409	3.027			
	Nhóm B										
	Nhóm C	12	10	147.067	54.901	2	3.409	3.027			
23	UBND huyện Quốc Oai	18	18	244.886	185.366						
	Nhóm B										
	Nhóm C	18	18	244.886	185.366						
24	UBND huyện Sóc Sơn	7	7	95.139	89.179						
	Nhóm B										
	Nhóm C	7	7	95.139	89.179						
25	UBND huyện Thạch Thất	6	2	74.280	55.664	4	77.185	55.876			
	Nhóm B										
	Nhóm C	6	2	74.280	55.664	4	77.185	55.876			
26	UBND huyện Thanh Oai	1	1	14.600	12.000						
	Nhóm B										
	Nhóm C	1	1	14.600	12.000						

TT	Loại dự án sử dụng ngân sách cấp quận huyện	Tổng số DA chưa nộp hồ sơ	Dự án trong thời hạn lập BC quyết toán			Dự án chậm nộp BC quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp BC quyết toán từ 24 tháng trở lên		
			Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
27	UBND huyện Thanh Trì	2	2	4.750	4.200						
	Nhóm B										
	Nhóm C	2	2	4.750	4.200						
28	UBND huyện Thường Tín	19	10	78.806	66.387	7	20.438	18.414	2	19.205	18.870
	Nhóm B										
	Nhóm C	19	10	78.806	66.387	7	20.438	18.414	2	19.205	18.870
29	UBND huyện Ứng Hòa	15	15	218.239	179.787						
	Nhóm B										
	Nhóm C	15	15	218.239	179.787						
30	UBND thị xã Sơn Tây	40	40	350.293	292.202						
	Nhóm B										
	Nhóm C	40	40	350.293	292.202						

Phụ lục 3

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH TỪ 01/1/2019-15/6/2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)
A	Tổng cộng	810	11.214.567	10.148.175	10.093.349	54.825
1	Nhóm A	1	1.829.956	1.725.072	1.723.372	1.700
	Ngân sách cấp Thành phố	1	1.829.956	1.725.072	1.723.372	1.700
	Ngân sách cấp quận huyện					
2	Nhóm B	26	4.568.678	4.125.541	4.114.640	10.901
	Ngân sách cấp Thành phố	18	3.575.704	3.233.474	3.223.262	10.212
	Ngân sách cấp quận huyện	8	992.974	892.067	891.378	689
3	Nhóm C	783	4.815.933	4.297.562	4.255.337	42.225
	Ngân sách cấp Thành phố	14	777.577	635.452	630.888	4.564
	Ngân sách cấp quận huyện	769	4.038.356	3.662.109	3.624.448	37.661



Phụ lục 3.1

ĐỀ AN QUYẾT TOÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)
A	Tổng cộng	33	6,183,237	5,593,998	5,577,522	16,475
1	Nhóm A	1	1,829,956	1,725,072	1,723,372	1,700
2	Nhóm B	18	3,575,704	3,233,474	3,223,262	10,212
3	Nhóm C	14	777,577	635,452	630,888	4,564
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới:					
1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông thành phố Hà Nội	5	2,196,531	2,015,549	2,012,089	3,460
	Nhóm A	1	1,829,956	1,725,072	1,723,372	1,700
	Tiểu dự án đền bù GPMB thuộc dự án xây dựng cầu Nhật Tân và tuyến đường 2 đầu cầu	1	1,829,956	1,725,072	1,723,372	1,700
	Nhóm B	2	285,155	222,782	221,291	1,491
	Xây dựng cầu vượt tại nút giao Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái (giao giữa đường vành đai 1 với đường Lò Đúc, đường Kim Ngưu)	1	105,214	91,800	90,709	1,091
	Xây dựng công trình đường tỉnh lộ 414 (ĐT87 cũ) từ Sơn Tây đến Khu di tích K9	1	179,941	130,982	130,582	400
	Nhóm C	2	81,420	67,695	67,425	270
	Hỗ trợ kỹ thuật tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án tuyến đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	1	2,104	2,100	2,050	50
	Xây dựng cầu Ngà trên đường 70 huyện Từ Liêm	1	79,316	65,595	65,376	219
2	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội	3	215,233	180,375	179,086	1,290
	Nhóm B	1	92,000	84,508	83,341	1,167
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Xém, huyện Thường Tín	1	92,000	84,508	83,341	1,167
	Nhóm C	2	123,233	95,867	95,745	122
	Cải tạo, nâng cấp mặt đê tả Hồng đoạn từ K53+600 đến K60+850, huyện Đông Anh, Hà Nội	1	81,303	58,775	58,726	49
	Xây dựng hệ thống tiêu trạm bơm Vĩnh Phúc, huyện Quốc Oai	1	41,930	37,092	37,019	73
3	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình công nghiệp và dân dụng thành phố Hà Nội	1	101,446	90,587	89,754	833
	Nhóm C	1	101,446	90,587	89,754	833
	Nhà khách UBND Thành phố 13-15 Lương Ngọc Quyến	1	101,446	90,587	89,754	833
4	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình văn hoá xã hội thành phố Hà Nội	1	464,863	398,645	398,645	0
	Nhóm B	1	464,863	398,645	398,645	0
	Xây dựng nút giao thông Bắc Thăng Long - Vân tri với tuyến đường sắt Bắc Hồng - Văn Điển	1	464,863	398,645	398,645	0
5	UBND huyện Thạch Thất	1	96,130	89,043	88,419	624
	Nhóm B	1	96,130	89,043	88,419	624
	Đường từ đường tỉnh 419 đi Tân Xã, huyện Thạch Thất	1	96,130	89,043	88,419	624
6	UBND huyện Mê Linh	1	105,820	72,374	72,191	183
	Nhóm B	1	105,820	72,374	72,191	183

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Mê Linh đi thị trấn Chi Đông (giai đoạn 1 - GPMB và xây dựng nền đường), huyện Mê Linh	1	105,820	72,374	72,191	183
7	UBND huyện Ba Vì	1	55,485	45,898	45,744	154
	Nhóm C	1	55,485	45,898	45,744	154
	Xây dựng hồ chứa nước Đồng Xô	1	55,485	45,898	45,744	154
8	UBND huyện Gia Lâm	1	54,588	51,655	51,465	190
	Nhóm C	1	54,588	51,655	51,465	190
	Xây dựng trường THCS trong khu đô thị Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm	1	54,588	51,655	51,465	190
9	UBND quận Long Biên	1	95,856	93,724	93,700	24
	Nhóm B	1	95,856	93,724	93,700	24
	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Giang Biên, quận Long Biên	1	95,856	93,724	93,700	24
10	UBND huyện Thanh Trì	5	470,655	393,505	390,394	3,111
	Nhóm B	3	313,314	283,590	282,624	966
	Xây dựng trường THPT Đông Mỹ, Thanh Trì	1	97,724	95,321	94,887	434
	Xây dựng đường nối Pháp Vân tới khu đất giá Tứ Hiệp, Ngũ Hiệp	1	176,724	152,362	152,334	28
	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Ngũ Hiệp phục vụ GPMB dự án Cải tạo QL1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi và dự án cầu Ngọc Hồi	1	38,866	35,907	35,403	504
11	Nhóm C	2	157,341	109,915	107,770	2,145
	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Ngọc Hồi phục vụ GPMB dự án Cải tạo QL1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi và dự án cầu Ngọc Hồi	1	45,106	33,669	32,157	1,512
	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Liên Ninh phục vụ GPMB dự án Cải tạo QL1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi và dự án cầu Ngọc Hồi	1	112,235	76,246	75,613	633
12	UBND quận Cầu Giấy	1	108,989	100,979	100,450	529
	Nhóm B	1	108,989	100,979	100,450	529
	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng N07 khu di dân GPMB tại Dịch Vọng, Cầu Giấy	1	108,989	100,979	100,450	529
13	UBND huyện Phú Xuyên	1	36,557	32,410	32,398	12
	Nhóm C	1	36,557	32,410	32,398	12
	Xây dựng cải tạo trường THPT Phú Xuyên A	1	36,557	32,410	32,398	12
14	UBND quận Nam Từ Liêm	1	33,426	14,738	14,713	25
	Nhóm C	1	33,426	14,738	14,713	25
	GPMB, san nền chuẩn bị mặt bằng thi công khu nhà ở di dân GPMB và đấu giá QSD đất tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm	1	33,426	14,738	14,713	25
15	UBND huyện Ứng Hoà	2	52,893	46,695	46,213	482
	Nhóm C	2	52,893	46,695	46,213	482
	Lát má, hoàn chỉnh kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy và nâng cấp trạm bơm tưới xã Lưu Hoàng, huyện Ứng Hoà	1	14,988	14,670	14,627	43
	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy xã Hoà Xá, huyện Ứng Hoà	1	37,905	32,025	31,586	439
16	Văn phòng Thành Ủy	1	308,000	304,000	302,636	1,364
	Nhóm B	1	308,000	304,000	302,636	1,364
	Xây dựng, cải tạo khu điều dưỡng cán bộ Hà Nội tại Đồ Sơn, Hải Phòng	1	308,000	304,000	302,636	1,364
17	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Oai	1	105,340	95,216	93,718	1,498
	Nhóm B	1	105,340	95,216	93,718	1,498
	Xây dựng bệnh viện đa khoa huyện Thanh Oai	1	105,340	95,216	93,718	1,498
18	Bệnh viện đa khoa quận Đống Đa	1	107,542	103,967	103,362	605

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Nhóm B	1	107,542	103,967	103,362	605
	Nâng cấp bệnh viện đa khoa Đống Đa	1	107,542	103,967	103,362	605
19	Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ	1	91,000	88,162	87,885	277
	Nhóm B	1	91,000	88,162	87,885	277
	Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ	1	91,000	88,162	87,885	277
20	Công ty TNHH MTV thủy lợi Sông Tích	1	81,188	79,992	79,663	329
	Nhóm C	1	81,188	79,992	79,663	329
	Đầu tư xây dựng công trình hệ thống tiêu Hiệp Thuận	1	81,188	79,992	79,663	329
21	Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội	2	802,639	803,569	803,155	414
	Nhóm B	2	802,639	803,569	803,155	414
	Chuyển đổi công nghệ số hoá sản xuất- phát sóng truyền hình Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội giai đoạn 2013-2015	1	311,998	312,947	312,833	114
	Xây dựng, lắp đặt cột anten và Trung tâm kỹ thuật truyền dẫn sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội	1	490,641	490,622	490,323	299
22	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ	1	599,056	492,915	491,843	1,072
	Nhóm B	1	599,056	492,915	491,843	1,072
	Nâng cấp trực chính hệ thống thủy lợi sông Nhuệ	1	599,056	492,915	491,843	1,072



Phụ lục 3.2

DỰ ÁN QUYẾT TOÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)
A	Tổng cộng	777	5,031,330	4,554,177	4,515,827	38,350
1	Nhóm A	0	0	0	0	0
2	Nhóm B	8	992,974	892,067	891,378	689
3	Nhóm C	769	4,038,356	3,662,109	3,624,448	37,661
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới:					
1	UBND quận Ba Đình	2	125,239	115,888	115,818	70
	Nhóm B	1	112,759	103,517	103,447	70
	Nhóm C	1	12,480	12,371	12,371	0
2	UBND quận Cầu Giấy	60	535,794	521,964	520,859	1,105
	Nhóm B	2	362,848	355,921	355,675	246
	Nhóm C	58	172,946	166,043	165,184	859
3	UBND quận Đống Đa	3	11,221	10,653	10,498	155
	Nhóm B					0
	Nhóm C	3	11,221	10,653	10,498	155
4	UBND quận Hai Bà Trưng	2	8,058	7,213	7,206	7
	Nhóm B					0
	Nhóm C	2	8,058	7,213	7,206	7
5	UBND quận Hà Đông	19	134,104	98,187	96,960	1,227
	Nhóm B					0
	Nhóm C	19	134,104	98,187	96,960	1,227
6	UBND quận Hoàn Kiếm	4	107,148	99,786	99,541	245
	Nhóm B					0
	Nhóm C	4	107,148	99,786	99,541	245
7	UBND quận Hoàng Mai	12	193,413	169,170	169,143	27
	Nhóm B	1	73,118	54,690	54,762	-72
	Nhóm C	11	120,295	114,480	114,381	99
8	UBND quận Long Biên	23	330,244	258,555	254,418	4,137
	Nhóm B					0
	Nhóm C	23	330,244	258,555	254,418	4,137
9	UBND quận Tây Hồ	16	44,646	38,790	37,685	1,104
	Nhóm B					0
	Nhóm C	16	44,646	38,790	37,685	1,104
10	UBND quận Thanh Xuân	12	43,989	40,869	40,707	162
	Nhóm B					0
	Nhóm C	12	43,989	40,869	40,707	162
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	12	64,908	60,368	59,743	625
	Nhóm B					0
	Nhóm C	12	64,908	60,368	59,743	625
12	UBND quận Nam Từ Liêm	29	520,680	450,306	446,411	3,895
	Nhóm B	2	188,822	171,046	170,601	445
	Nhóm C	27	331,858	279,260	275,810	3,450
13	UBND huyện Ba Vì	26	128,443	116,195	115,146	1,049
	Nhóm B					0
	Nhóm C	26	128,443	116,195	115,146	1,049
14	UBND huyện Chương Mỹ	25	141,814	127,518	126,717	801
	Nhóm B					0
	Nhóm C	25	141,814	127,518	126,717	801
15	UBND huyện Đan Phượng	52	193,929	181,104	178,903	2,201

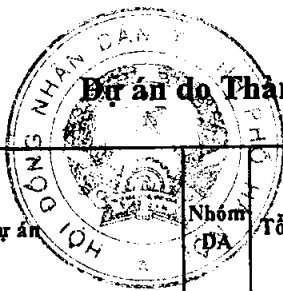
STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	52	193,929	181,104	178,903	2,201
16	UBND huyện Đông Anh	66	478,382	422,905	422,905	0
	Nhóm B	2	255,427	206,893	206,893	0
	Nhóm C	64	222,955	216,012	216,012	0
17	UBND huyện Gia Lâm	21	243,994	227,722	223,241	4,481
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	21	243,994	227,722	223,241	4,481
18	UBND huyện Hoài Đức	9	83,456	77,943	77,310	633
	Nhóm B					0
	Nhóm C	9	83,456	77,943	77,310	633
19	UBND huyện Mê Linh	18	133,817	125,781	125,016	765
	Nhóm B					0
	Nhóm C	18	133,817	125,781	125,016	765
20	UBND huyện Mỹ Đức	7	68,786	63,985	63,594	391
	Nhóm B					0
	Nhóm C	7	68,786	63,985	63,594	391
21	UBND huyện Phú Xuyên	65	135,483	123,888	122,727	1,161
	Nhóm B					0
	Nhóm C	65	135,483	123,888	122,727	1,161
22	UBND huyện Phúc Thọ	0	0	0	0	0
	Nhóm B					0
	Nhóm C					0
23	UBND huyện Quốc Oai	45	302,397	292,169	287,734	4,435
	Nhóm B					0
	Nhóm C	45	302,397	292,169	287,734	4,435
24	UBND huyện Sóc Sơn	13	106,242	104,519	103,695	824
	Nhóm B					0
	Nhóm C	13	106,242	104,519	103,695	824
25	UBND huyện Thạch Thất	62	107,153	102,108	101,649	459
	Nhóm B					0
	Nhóm C	62	107,153	102,108	101,649	459
26	UBND huyện Thanh Oai	99	246,190	238,346	233,209	5,137
	Nhóm B					0
	Nhóm C	99	246,190	238,346	233,209	5,137
27	UBND huyện Thanh Trì	23	51,186	50,438	49,671	767
	Nhóm B					0
	Nhóm C	23	51,186	50,438	49,671	767
28	UBND huyện Thường Tín	1	2,085	1,912	1,894	18
	Nhóm B					0
	Nhóm C	1	2,085	1,912	1,894	18
29	UBND huyện Ứng Hòa	26	246,502	212,984	210,985	1,999
	Nhóm B					0
	Nhóm C	26	246,502	212,984	210,985	1,999
30	UBND Thị xã Sơn Tây	25	242,027	212,911	212,441	470
	Nhóm B					0
	Nhóm C	25	242,027	212,911	212,441	470

Phụ lục 4

BÁO CÁO TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHƯA NỘP HỒ SƠ QUYẾT TOÁN TÍNH ĐẾN HẾT NĂM 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại dự án	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán trên 24 tháng		
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
	Tổng cộng	312	12,453,289	9,551,688	74	1,573,950	1,284,748	3	3,515,515	3,029,631
1	Nhóm A	1	861,977	679,195	0	0	0	1	3,151,786	2,816,927
	Ngân sách cấp Thành phố	1	861,977	679,195				1	3,151,786	2,816,927
	Ngân sách cấp huyện									
2	Nhóm B	37	7,890,121	6,133,863	4	442,760	357,680	1	360,498	209,999
	Ngân sách cấp Thành phố	21	6,774,351	5,215,027	0	0	0	1	360,498	209,999
	Ngân sách cấp huyện	16	1,115,770	918,836	4	442,760	357,680			
3	Nhóm C	274	3,701,191	2,738,630	70	1,131,190	927,068	1	3,231	2,705
	Ngân sách cấp Thành phố	15	914,949	644,429						
	Ngân sách cấp huyện	259	2,786,242	2,094,201	70	1,131,190	927,068	1	3,231	2,705



Phụ lục 4.1
Dự án do Thành phố quản lý chưa nộp hồ sơ quyết toán

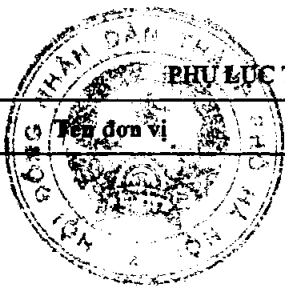
Đơn vị: Triệu đồng

TT	Loại dự án	Nhóm dự án	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập BC quyết toán			Dự án chậm nộp BC quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp BC quyết toán từ 24 tháng trở lên		
				Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
A	Tổng số		39	37	8.551.277	6.538.651				2	3.512.284	3.026.926
	Nhóm A	A	2	1	861.977	679.195				1	3.151.786	2.816.927
	Nhóm B	B	22	21	6.774.351	5.215.027				1	360.498	209.999
	Nhóm C	C	15	15	914.949	644.429						
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới											
1	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG		9	7	479.759	266.853				2	3.512.284	3.026.926
	Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu (giai đoạn I)	A								1	3.151.786	2.816.927
	XD cầu vượt tại nút giao đường Nguyễn Chí Thanh - Kim Mã	B								1	360.498	209.999
	Đường nối từ ĐLTL kéo dài đến QL 21, huyện Thạch Thất	C		1	55.257	26.053						
	ĐTXD cầu Quảng Tái	C		1	37.991	23.150						
	ĐTXD cầu Zét Chương Mỹ	C		1	64.684	37.330						
	ĐTXD cầu Yên trình huyện Chương Mỹ	C		1	39.719	18.879						
	Xây dựng cầu Mỹ Hoà	C		1	191.360	92.056						
	Xây dựng cầu Đào Xuyên	C		1	25.221	9.208						
	Đường tỉnh 426 (78 cũ) Km0-Km7+900	C		1	65.527	60.177						
2	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH VĂN HÓA - XÃ HỘI		5	5	1.904.158	1.546.392						
	Dự án đầu tư nâng cấp bệnh viện đa khoa Đức Giang	A		1	861.977	679.195						
	Dự án nâng cấp bệnh viện đa khoa Sóc Sơn	B		1	345.870	300.848						
	Dự án Đầu tư nâng cấp bệnh viện phụ sản Hà Nội GD 2	B		1	324.729	249.756						
	Dự án Cải tạo bệnh viện đa khoa Xanh pôn và xây dựng nhà điều trị nội khoa	B		1	332.023	290.753						
	Dự án Nâng cấp bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức TP Hà Nội	C		1	39.559	25.840						
3	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG		1	1	23.205	19.702						
	Đầu tư xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục tại Khu LHXL chất thải Sóc Sơn	B		1	23.205	19.702						
4	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT		1	1	114.021	87.176						
	Trạm bơm tiêu Sần, Thạch Thất	C		1	114.021	87.176						
5	UBND HUYỆN THANH OAI		1	1	13.492	11.851						
	Trạm bơm Thiên Đồng xã Mỹ Hưng huyện Thanh Oai	C		1	13.492	11.851						
6	UBND QUẬN LONG BIÊN		5	5	3.679.960	2.731.969						
	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Văn Cừ tới đê Tả Ngạn sông Hồng (đường 40m Bô Đê)	B		1	985.534	622.343						
	Xây dựng đường trên tuyến đê Tả Hồng, Hữu Đuống nối từ cầu Chương Dương đến đường 5 kéo dài	B		1	359.932	217.188						
	Xây dựng đường nối từ đường 5 kéo dài đến Cầu Đuống	B		1	497.348	227.273						

TT	Loại dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập BC quyết toán			Dự án chậm nộp BC quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp BC quyết toán từ 24 tháng trở lên		
				Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Cải tạo, chỉnh trang đồng bộ HTKT tuyến đường Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên	B		1	254.233	150.596						
	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Cầu Chui - cầu Đuống (phố Ngô Gia Tự)	B		1	1.582.913	1.514.569						
8	UBND HUYỆN ỨNG HÒA		0	0	62.900	60.297						
	Kè chống sạt lở và củng cố bờ kênh Vân Đình	C		0	62.900	60.297						
7	UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM		1	1	115.635	102.198						
	GPMB tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất ký hiệu ĐM1, phường Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	B		1	115.635	102.198						
8	UBND HUYỆN GIA LÂM		1	1	372.914	366.055						
	Cải tạo, nâng cấp đường dốc Hội - Đại học Nông nghiệp 1	B		1	372.914	366.055						
9	UBND QUẬN ĐÔNG ĐA		2	2	165.898	142.301						
	Nhà ở di dân phường Láng Thượng	B		1	134.246	115.757						
	Nhà ở di dân GPMB lô số 9, trục đường Láng Hạ - Voi Phục	B		1	31.652	26.544						
10	UBND QUẬN CẦU GIẤY		7	7	1.303.887	924.206						
	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng N03 (thuộc dự án xây dựng nhà ở chung cư cao tầng N01, N02, N03 khu tái định cư phục vụ GPMB phía Tây Nam Đại học Thương mại)	B		1	49.168	47.109						
	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng N01, N02 (thuộc dự án xây dựng nhà ở chung cư cao tầng N01, N02, N03 khu tái định cư phục vụ GPMB phía Tây Nam Đại học Thương mại)	B		1	484.328	394.317						
	Xây dựng và đấu nối HTKT ô đất D29 khu ĐTM Cầu Giấy	B		1	26.707	22.664						
	Xây dựng HTKT khu di dân GPMB tại Dịch Vọng	B		1	36.091	32.109						
	Đường Tô Hiệu kéo dài	B		1	98.378	90.943						
	Đường chợ nhà xanh kéo dài	B		1	9.311	4.889						
	Đường Trần Đăng Ninh kéo dài	B		1	599.904	332.175						
11	UBND HUYỆN THẠCH THẮT		1	1	110230	87239						
	Cải tạo, nâng cấp ĐT 419 đoạn từ Km0+600 đến Km 4+842	B		1	110.230	87.239						
13	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HÀ NỘI		4	4	190.240	178.727						
	GPMB tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích Bích Câu Đạo Quán	C		1	22.692	22.692						
	GPMB và san nền sơ bộ Khu công viên Mễ Trì (X3)	C		1	65.696	59.215						
	GPMB ô đất 583 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên	C		1	1.641	1.641						
	GPMB để xây dựng nhà ở công nhân Khu công nghiệp Bắc Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	C		1	100.211	95.179						
14	SỞ CÔNG THƯƠNG		1	1	14978	13685						
	Dự án xây dựng trụ sở QLTT số 16	C		1	14.978	13.685						

TT	Loại dự án sử dụng ngân sách cấp quận huyện	Dự án trong thời hạn lập BC quyết toán			Dự án chậm nộp BC quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp BC quyết toán từ 24 tháng trở lên		
		Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
12	UBND quận Nam Từ Liêm	17	535.004	436.533	1	54.704	26.218			
	Nhóm B	5	374.478	312.104	1	54.704	26.218			
	Nhóm C	12	160.526	124.429						
13	UBND huyện Ba Vì	3	45.065	36.772	9	158.660	138.552			
	Nhóm B									
	Nhóm C	3	45.065	36.772	9	158.660	138.552			
14	UBND huyện Chương Mỹ	2	29.507	24.266	12	171.469	128.349	1	3.231	2.705
	Nhóm B									
	Nhóm C	2	29.507	24.266	12	171.469	128.349	1	3.231	2.705
15	UBND huyện Đan Phượng	20	131.488	100.901	1	4.603	3.938			
	Nhóm B									
	Nhóm C	20	131.488	100.901	1	4.603	3.938			
16	UBND huyện Đông Anh	7	158.322	120.183	8	181.564	147.450			
	Nhóm B									
	Nhóm C	7	158.322	120.183	8	181.564	147.450			
17	UBND huyện Gia Lâm	43	453.614	313.305						
	Nhóm B	2	114.291	93.990						
	Nhóm C	41	339.323	219.315						
18	UBND huyện Hoài Đức									
	Nhóm B									
	Nhóm C									
19	UBND huyện Mê Linh	11	87.163	68.397						
	Nhóm B									
	Nhóm C	11	87.163	68.397						
20	UBND huyện Mỹ Đức									
	Nhóm B									
	Nhóm C									
21	UBND huyện Phú Xuyên	7	105.791	85.755						
	Nhóm B									
	Nhóm C	7	105.791	85.755						
22	UBND huyện Phúc Thọ	8	136.958	45.439	4	13.518	12.489			
	Nhóm B									
	Nhóm C	8	136.958	45.439	4	13.518	12.489			
23	UBND huyện Quốc Oai	24	289.559	242.986	10	203.260	197.855			
	Nhóm B									
	Nhóm C	24	289.559	242.986	10	203.260	197.855			
24	UBND huyện Sóc Sơn	18	141.705	114.984						
	Nhóm B									
	Nhóm C	18	141.705	114.984						
25	UBND huyện Thạch Thất	2	74.280	55.664	7	91.306	72.783			

TT	Loại dự án sử dụng ngân sách cấp quận huyện	Dự án trong thời hạn lập BC quyết toán			Dự án chậm nộp BC quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp BC quyết toán từ 24 tháng trở lên		
		Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
	Nhóm B									
	Nhóm C	2	74.280	55.664	7	91.306	72.783			
26	UBND huyện Thanh Oai									
	Nhóm B									
	Nhóm C									
27	UBND huyện Thanh Trì									
	Nhóm B									
	Nhóm C									
28	UBND huyện Thường Tín	7	73.569	60.790						
	Nhóm B									
	Nhóm C	7	73.569	60.790						
29	UBND huyện Ứng Hòa	11	146.635	120.256						
	Nhóm B									
	Nhóm C	11	146.635	120.256						
30	UBND thị xã Sơn Tây	58	508.876	410.220						
	Nhóm B									
	Nhóm C	58	508.876	410.220						



PHỤ LỤC TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ VỀ CÔNG TÁC QUYẾT TOÁN

STT	Tên đơn vị	Kiến nghị về công tác QT hoàn thành
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông thành phố Hà Nội	- Đối với các dự án đã triển khai thi công cơ bản hoàn thành, đưa vào sử dụng từ nhiều năm trước còn tồn tại một phần nhỏ các hạng mục nhưng không ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng, đề nghị các đơn vị có liên quan tiếp nhận bàn giao theo hiện trạng; Đề nghị UBND Thành phố chấp thuận cho phép Ban QLDA quyết toán theo khối lượng thực tế đã thực hiện. - Đối với các dự án đã triển khai thi công hoàn thành từ lâu nhưng hiện nay hồ sơ tài liệu không lưu trữ đầy đủ do nhiều nguyên nhân khác nhau như: chuyển đổi vị trí làm việc, do sát nhập các Ban Quản lý dự án, do quá trình triển khai các cán bộ nghỉ, chuyển công tác hoặc do nhà thầu đã giải thể, nhà thầu đã thay đổi pháp nhân hiện nay không liên hệ được..... Đề nghị cho phép Ban Quản lý dự án quyết toán theo hiện trạng hồ sơ hiện có. - Đối với các dự án chưa quyết toán hoàn thành, tất toán tài khoản thực hiện theo các kết luận của Thanh tra thành phố. Nhà thầu đã nộp tiền vào tài khoản của Thanh tra thành phố Hà Nội đề nghị Thanh tra thành phố Hà Nội cung cấp chứng từ nộp tiền vào ngân sách để Ban QLDA có căn cứ đề nghị Kho bạc giảm cấp phát, tất toán tài khoản (dự án khu TĐC phục vụ GPMB đường 32, dự án đường Cát Linh — La Thành — Yên Lãng). - Đối với một số đơn vị không có khả năng hoàn trả ngân sách theo quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành, các kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán. Ban QLDA đang tổng hợp danh sách các đơn vị không có khả năng, không tìm được đơn vị, gửi Sở Kế hoạch - Đầu tư xác nhận tình trạng hoạt động của doanh nghiệp để có cơ sở báo cáo UBND thành phố để xin ý kiến chỉ đạo. Đề nghị Sở Kế hoạch - Đầu tư phối hợp giúp đỡ. - Đối với một số đơn vị chưa hoàn trả ngân sách theo quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành, các kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán (Ban đang tổng hợp danh sách báo cáo UBND thành phố), đề nghị UBND Thành phố cho ý kiến chỉ đạo, xử lý.
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội	(1) Đối với dự án trạm bơm tiêu Sần, huyện Thạch Thất: Đề nghị KBNN sớm đối chiếu để Ban QLDA lập báo cáo quyết toán theo quy định; (2) đối với 02 dự án nước sạch chuyển đổi sang XHH (trạm cấp nước Mỹ Đức, trạm cấp nước Ứng Hòa), đề nghị Sở XD sớm b/c UBND TP cho phép dừng thực hiện để quyết toán, tất toán tài khoản phần kinh phí chuẩn bị đầu tư.
3	UBND quận Đống Đa	Đề nghị hướng dẫn xử lý kịp thời các vướng mắc cụ thể trong công tác BT, HT và TĐC trên địa bàn quận khi quận đề xuất và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo; tăng cường công tác hướng dẫn và tập huấn về QTDHT đối với phòng TCKH các quận, huyện, thị xã khi có nhu cầu hoặc thay đổi về chế độ chính sách
4	UBND quận Hai Bà Trưng	Khối lượng dự án ngày càng nhiều, thời gian thẩm tra theo quy định 1 tháng (đối với dự án nhóm C), đội ngũ cán bộ thực hiện công tác quyết toán mỏng và phải thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên trách khác đã tạo nên áp lực lớn trong công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn. Đề nghị tăng thời gian thẩm tra quyết toán.
5	UBND quận Hoàn Kiếm	Một số dự án đầu tư nguồn ngân sách quận có hạng mục chi phí thiết bị thực hiện theo hình thức mua sắm tập trung, trong quá trình triển khai còn phụ thuộc vào tiến độ thực hiện của Trung tâm Mua sắm tài sản công và thông tin tư vấn tài chính nên cũng ảnh hưởng đến tiến độ lập hồ sơ báo cáo QT DAHT
6	UBND quận Hoàng Mai	Khó khăn vướng mắc: Công tác lập hồ sơ quyết toán dự án của một số đơn vị còn yếu, chưa đảm bảo yêu cầu, dẫn đến phải bổ sung hoàn thiện kéo dài thời gian. Đối với những dự án phải GPMB, kết quả công tác GPMB thường không đạt kế hoạch ban đầu, thậm chí có dự án kéo dài nhiều năm do gặp những trường hợp phức tạp, ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây dựng, làm tăng chi phí đầu tư, ảnh hưởng đến việc bố trí vốn thanh toán, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Kiến nghị: Đối với những dự án phải GPMB để thi công xây dựng công trình khi phê duyệt xác định rõ thời gian hoàn thành GPMB và chỉ thực hiện các bước tiếp theo (với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật chỉ tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình). Sau khi đã có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai đối với toàn bộ diện tích đất trong phạm vi thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình.
7	UBND huyện Sóc Sơn	Đề nghị xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thuế, KBNN, ngân hàng thương mại và các cơ quan liên quan trong việc đôn đốc thu hồi, nộp trả kinh phí theo kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, KTNN